

Bài 42 SỐ BỊ CHIA, SỐ CHIA, THƯƠNG (2 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

Kiến thức, kỹ năng

- Nhận biết được số bị chia, số chia, thương trong phép chia.
- Tính được thương khi biết số bị chia và số chia.
- Vận dụng vào giải bài toán thực tế liên quan đến phép chia.

Phát triển năng lực

Qua hoạt động khám phá kiến thức mới và vận dụng giải các bài toán thực tế, HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

II CHUẨN BỊ

Tùy điều kiện, GV có thể chuẩn bị một số tranh phóng to trong SGK.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Lưu ý chung: Ở mỗi tiết học của bài học, GV nên tổ chức dạy học theo các bước:

Khởi động → Thực hiện hình thức dạy học phù hợp → Củng cố

Tiết 1. Số bị chia, số chia, thương

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Giúp HS nhận biết được số bị chia, số chia, thương trong phép chia, qua đó củng cố ý nghĩa của phép chia.

1. Khám phá

– Cách tiếp cận:



- GV cho HS quan sát tranh, nêu bài toán (trong SGK), dẫn ra phép chia $10 : 2 = 5$, từ đó GV giới thiệu cho HS biết đây là số bị chia, số chia, thương và lưu ý $10 : 2$ cũng gọi là thương.
- GV có thể cho ví dụ về các phép chia khác để HS tự nêu số bị chia, số chia, thương của mỗi phép chia đó.

2. Hoạt động

Bài 1: Yêu cầu HS nêu, viết số bị chia, số chia, thương ở mỗi phép chia vào ô có dấu “?” trong bảng.

HS đã được học các phép chia $20 : 5 = 4$, $16 : 2 = 8$, $15 : 5 = 3$, tuy nhiên GV có thể gợi ý từ phép nhân đã học suy ra kết quả của phép chia, rồi cho HS nêu tên thành phần ở các phép nhân và phép chia đó. Chẳng hạn: Từ $5 \times 4 = 20$ suy ra $20 : 5 = 4$, từ $2 \times 8 = 16$ suy ra $16 : 2 = 8$, từ $5 \times 3 = 15$ suy ra $15 : 5 = 3$.

Bài 2:

– Câu a: Yêu cầu HS tìm hiểu, phân tích từng bài toán (cho biết gì, hỏi gì?) rồi chọn phép tính phù hợp với câu trả lời cho mỗi bài toán đó. Chẳng hạn: Bài toán 1 ứng với (B) $8 : 2 = 4$; bài toán 2 ứng với (A) $10 : 2 = 5$; bài toán 3 ứng với (C) $6 : 2 = 3$.

GV có thể cho HS nêu (không yêu cầu viết) câu trả lời cho mỗi bài toán đó (liên hệ với phép tính thích hợp).

– Câu b: Yêu cầu HS nêu, viết được số bị chia, số chia, thương của mỗi phép chia (A), (B), (C) (tìm được ở câu a) vào ô có dấu “?” trong bảng.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 2. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Củng cố, nhận biết số bị chia, số chia, thương của phép chia; biết cách tìm thương khi biết số bị chia, số chia; lập được phép chia khi biết số bị chia, số chia, thương tương ứng.

Bài 1: Yêu cầu HS từ một phép nhân suy ra hai phép chia tương ứng, rồi nêu, viết số bị chia, số chia, thương vào ô có dấu “?” trong bảng.

Bài 2: Yêu cầu HS biết cách tìm thương khi biết số bị chia và số chia.

– Câu a: Số bị chia là 10, số chia là 2, ta có $10 : 2 = 5$, vậy thương là 5.

– Câu b: Số bị chia là 8, số chia là 2, ta có $8 : 2 = 4$, vậy thương là 4.

– Câu c: Số bị chia là 10, số chia là 5, ta có $10 : 5 = 2$, vậy thương là 2.

– Lưu ý: Các phép chia $10 : 2 = 5$, $8 : 2 = 4$, $10 : 5 = 2$ đã được học trước đó hoặc GV có thể cho HS liên hệ với các phép nhân $2 \times 5 = 10$, $2 \times 4 = 8$ (ở bảng nhân 2).

Bài 3:

– Câu a: Yêu cầu HS lập được hai phép chia từ ba số 2, 6, 3 (HS nêu, viết số vào ô có dấu “?”). Chẳng hạn: (A) $6 : 2 = 3$; (B) $6 : 3 = 2$.

– Câu b: Dựa vào câu a, HS nêu, viết được số bị chia, số chia, thương vào ô có dấu “?” trong bảng.

Bài 4: Yêu cầu HS từ số bị chia, số chia và thương đã cho, lập được các phép chia thích hợp, chẳng hạn: $10 : 5 = 2$, $15 : 5 = 3$.

– HS đã được học các phép chia $10 : 5 = 2$, $15 : 5 = 3$ trước đó.

– Dựa vào các số đã cho ở đề bài, HS có thể thử chọn để tìm ra phép chia đúng.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).